|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3  **TRƯỜNG THCS LÊ LỢI**  **­­­­­­**  ***Đề chính thức*** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN: TOÁN– KHỐI 8**  Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề) |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Bài 1.** (2,0đ) Thực hiện phép tính:

a) 

b) 

**Bài 2.** (1,0đ)Rút gọn phân thức:

a) b) 

**Bài 3.** (2,0đ) Thực hiện các phép tính, rút gọn:

a) b)  c)

**Bài 4.** (0,5đ) Trường THCS A vừa xây mới gồm 40 phòng học. Mỗi phòng học đều có sàn hình chữ nhật với chiều rộng là 6m, chiều dài 10m.Trường đã dùng loại gạch hình vuông 40x40 (cm) để lát hết tất cả các sàn của các phòng học. Tính số viên gạch cần dùng để lát hết sàn của 40 phòng học.

**Bài 5.** (0,5đ)Nhân dịp cuối năm, một cửa hàng giày đã thực hiện một “chương trình khuyến mãi đặc biệt” như sau: Nếu mua một đôi giày với mức giá ban đầu là 600 000 đồng, bạn sẽ được giảm 20% so với giá ban đầu khi mua đôi thứ hai, và từ đôi thứ ba trở đi thì giá chỉ 40% so với giá ban đầu. Hỏi một người mua bốn đôi giày thì phải trả bao nhiêu tiền?

**Bài 6.** (1,0đ) Một cửa hàng tính lương cho nhân viên bán hàng trong một ngày làm việc như sau: Trong 6 giờ đầu nhân viên được trả 35 000 đồng/giờ.Nếu làm thêm từ giờ thứ 7 trở đi nhân viên sẽ được trả thêm 10 000 đồng mỗi giờ . Ngày đầu tiên đi làm, chị Mai nhận được số tiền lương 390 000 đồng. Hỏi chị Mai đã làm thêm bao nhiêu giờ?

**Bài 7.**(3,0 đ) Cho  vuông tại  có ,  là trung điểm của .Kẻ  tại  và tại .

a)Chứng minh tứ giác  là hình chữ nhật.

b) Gọi  là điểm đối xứng của  qua , N là điểm đối xứng với M qua A.

Chứng minh : AMBP là hình thoi và ABPN là hình bình hành.

c) Gọi I,E lần lượt là giao điểm của PC và AB, AM.Chứng minh : AI = 2IH.

**------HẾT------**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3  **TRƯỜNG THCS LÊ LỢI**  ***­­­­­­*** | **ĐÁP ÁN KIỂM TRA HKI**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 8**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BÀI** | **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1**  *(2,0 điểm)* | **a)**  *(1,0 điểm)* |  | ***0,25 đ x2***  ***0,25 đ***  ***0,25 đ*** |
|  | **b)**  *(1,0 điểm)* | |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | | -11 | Kết luận : | | ***0,25 đx4*** |
| **2**  *(1,0 điểm)* | **a)**  *(0,5 điểm)* |  | **0.5đ** |
|  | **b)**  *(0,5 điểm)* |  | **0.25đx2** |
| **3**  *(2,0 điểm)* | **a)**  *(1,0 điểm)* |  | **0,25x4** |
|  | **b)**  *(0,5 điểm)* |  | **0.25đx2** |
|  | **c)**  *(0,5 điểm)* |  | **0,25đ**  **0,25** |
| **4**  *(0,5 điểm)* |  | Diện tích của phòng học hcn là:  6.10 = 60 m2  Diện tích của 40 phòng học là:  6.10.40 = 2400 m2  Số viên gạch cần để lót sàn là:  2400 : (0,4 x 0,4) = 15 000 viên | ***0,25 đ***  ***0,25 đ*** |
| **5**  *(0,5 điểm)* |  | Số tiền phải trả cho đôi giày thứ hai là:  (đồng)  Số tiền phải trả cho đôi giày thứ ba là:  (đồng)  Số tiền phải trả khi mua bốn đôi giày là:  (đồng) | ***0,25 đ***  ***0,25 đ*** |
| **6**  *(1,0 điểm* |  | Tiền lương trong 6 giờ đầu  6.35 000= 210 000 đ  Tiền lương mỗi giờ làm thêm  35 000 + 10 000 = 45 000 đ  Số giờ làm thêm  (390 000 - 210 000) : 45 000 = 4 giờ | ***0,25 đ***  ***0,25***  ***0,5 đ*** |
| **7**  *(3,0 điểm* |  |  |  |
|  | *a*  *1,0đ* | a) Chứng minh tứ giác  là hình chữ nhật  Xét tứ giác , ta có:  ( vuông tại A)  ( tại )  ( tại )  Tứ giác  là hình chữ nhật. | ***0,25đx4*** |
|  | *b*  *1,0đ* | Chứng minh H là trung điểm của AB  Tứ giác AMBP có :  H là trung điểm MP (M đối xứng với P qua H)  H là trung điểm AB(cmt)  ⇒AMBP là hình bình hành  Mà AB ⊥PM  ⇒AMBP là hình thoi  Chứng minh BP = AN  Tứ giác ABPN có :  BP// AN  BP = AN  ⇒ABPN là hình bình hành | ***0.25đ***  ***0,25***  ***0,25***  ***0,25*** |
|  | *c*  *1,0đ* | Chứng minh ACMP là hình bình hành  C/m: E là trung điểm AM  c/m : I là trọng tâm ΔPAM  c/m: AI = 2IH | ***0.25x4*** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HKI**

**MÔN: TOÁN 8 (2022 – 2023)**

*Căn cứ Công văn 3333/GDĐT-TrH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố HCM về hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020-2021.*

**1. Xác định đặc tả ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | ***Rút gọn biểu thức*** | - Nhân đơn thức với đa thức  - Nhân đa thức với đa thức  - Những hằng đẳng thức đáng nhớ  - Phép chia các đa thức  - Rút gọn phân thức  - Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức  - Phép cộng, phép trừ các phân thức đại số. | **Nhận biết:**  Rút gọn biểu thức đơn giản | **1**  (1,0) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Rút gọn biểu thức có kết hợp nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức, chia đa thức cho đơn thức, những hằng đẳng thức đáng nhớ. Hoặc: chia 2 đa thức đã sắp xếp. |  | 1  (1,0) |  |  |
| **Vận dụng:**  Phép cộng, phép trừ các phân thức đại số |  |  |  |  |
| **2** |  | Rút gọn phân thức | Nhận biết: Rút gọn phân thức | **1**  (0,5) |  |  |  |
| Thông hiểu: Rút gọn phân thức |  | **1**  (0,5) |  |  |
| **3** | ***Phân thức đại số*** | Cộng, trừ, nhân, chia phân thức | Nhận biết: Cộng, trừ hai phân thức cùng mẫu  Thông hiểu: Cộng, trừ hai phân thức không cùng mẫu  Vận dụng: Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức | **1**  (1,0) | **1**  (0,5) | **1**  (0,5) |  |
| **4** | ***Toán thực tế*** | Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế | **Thông hiểu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế (diện tích) |  | **1**  (0,5) |  |  |
| **5** | ***Toán thực tế*** | - Phần trăm  - Lãi suất | **Vận dụng:**  Bài toán thực tế về phần trăm, tính tiền (tiền lương, tiền điện, tiền nước, tiền tham quan, tiền taxi…) |  |  | **1**  (0,5) |  |
| **6** | ***Toán thực tế*** | - Phần trăm | **Vận dụng**: Tính tiền có suy luận, hao hụt (dùng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, suy luận) |  |  | **1**  (1,0) |  |
| **7** | **Hình học** | - Hình thang, hình thang cân, hình thang vuông  - Hình bình hành  - Hình chữ nhật  - Hình thoi  - Hình vuông  - Đường trung bình của tam giác, của hình thang  - Đối xứng trục, đối xứng tâm  - Diện tích hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, hình thang, | **Nhận biết:**  **- Chứng minh** các hình ở mức độ nhận biết  - Tính độ dài cạnh… | 1  (1,0) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Chứng minh các hình ở mức độ thông hiểu  - Chứng minh đoạn thẳng bằng nhau**…**  - Tính độ dài cạnh… |  | 1  (1,0) |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Chứng minh song song, vuông góc, thẳng hàng, diện tích bằng nhau,… |  |  |  | 1  (1,0) |
| **4** | **Tổng** |  |  | **4** | **5** | **3** | **1** |
| **5** | **Tỉ lệ** |  |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** |
| **6** | **Tổng điểm** |  |  | **3**  **điểm** | **4**  **điểm** | **2**  **điểm** | **1**  **điểm** |

**NỘI DUNG KIỂM TRA HKI KHỐI 8 MÔN TOÁN - NĂM HỌC 2022 – 2023**

**(Tự luận – 90 phút)**

* Đại số : đến hết bài: “ nhân, chia các phân thức đại số ”
* Hình học: hết bài: “ Diện tích hình thang ”

Câu 1: (Nhận biết - Thông hiểu) *(2,0 điểm)*

Tính: a) Nhân đơn thức cho đa thức + Chia đa thức cho đơn thức Nhận biết 1,0

b) Chia 2 đa thức một biến đã sắp xếp Thông hiểu 1,0

Câu 2: (Nhận biết - Thông hiểu)

Rút gọn phân thức *(1,0 điểm)*

a) Có sẳn nhân tử chung Nhận biết 0,5

b) Đặt nhân tử chung rồi rút gọn Thông hiểu 0,5

Câu 3: (Nhận biết - Thông hiểu – Vận dụng) (2,0 điểm)

Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số

1. Cộng, trừ hai phân thức cùng mẫu Nhận biết 1,0
2. Cộng, trừ hai phân thức không cùng mẫu Thông hiểu 0,5
3. Cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số Vận dụng 0,5

Câu 4: (Thông hiểu) *(0,5 điểm)*

Vận dụng kiến thức đã học để giải bài toán có nội dung thực tế (diện tích) Thông hiểu 0,5

Câu 5: (Vận dụng) *(0,5 điểm)*

Bài toán thực tế về phần trăm, Tính tiền điện, tiền nước, giảm giá, tăng giá. Vận dụng 0,5

Câu 6: (Vận dụng) *(1,0 điểm)*

Bài toán vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tiễn ở mức độ vận dụng (Tính tiền, tăng giảm % )

Vận dụng 1,0

Câu 7: (Nhận biết - Thông hiểu – Vận dụng cao) *(3 điểm)*

a) Dấu hiệu có sẵn hoặc tính độ dài đoạn thẳng Nhận biết 1,0

b) Có 2 ý: 1 ý vận dụng chứng minh + 1 ý chứng minh ở mức độ thông hiểu Thông hiểu 1,0

c) Vận dụng cao 1,0

**Phụ trách bộ môn Toán Quận 3**

**Đỗ Quang Vinh**